TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 122/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH T

***- Thnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Huy Cường

2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đan Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 225/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh T;

Tạm trú: Ấp An Bình, xã An Phú, huyện Củ Chi, Thnh phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh T.

Chị T và anh H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-02-2023, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 2007, có qua tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện. Chị và anh H có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B.

Sau khi kết hôn, chị và anh H sống chung với cha mẹ ruột anh H được khoảng 01 năm thì anh chị mua nh đất tại ấp An Bình, xã An Phú, huyện Củ

Chi, Thnh phố Hồ Chí Minh sinh sống. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về vấn đề tiền bạc dẫn đến thường xuyên cải nhau, không còn ai quan t đến ai. Và cũng từ năm 2016, anh chị đã không còn sinh hoạt gia đình và sinh hoạt vợ chồng cùng nhau. Tháng 01-2022, anh H thu dọn đồ đạc về nh cha mẹ ruột ở và anh chị cũng chính thức sống ly thân cho đến nay. Tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh H.

Về nuôi con: Chị và anh H có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 10-11-2007 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 24-12-2018. Hiện 02 cháu đang ở cùng với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh H chung sống có tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện C, Thnh phố H, do chị đang quản lý, sử dụng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, để anh chị tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ngày 30-6-2022, chị và anh H có vay tại Ngân hng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh C số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 20-6-2023, chị đã trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng xong. Hiện nay chị và anh H không còn nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, còn anh H thì chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoài T đối với anh Nguyễn Văn H;

Về con chung: giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 10-11-2007 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 24-12-2018. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài T có đơn xin vắng mặt, còn bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hnh xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị T thì nguyên nhân là do anh chị không tin tưởng nhau về vấn đề tiền bạc và bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cải nhau. Anh chị đã không còn quan t, chăm sóc lẫn nhau. Tháng 01-2022, anh T đã thu dọn đồ đạc và bỏ về nh cha mẹ ruột ở. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01-2022 cho đến nay.

Qua xác minh anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh T nhưng anh H đã không còn sinh sống tại địa phương từ đầu năm 2023 cho đến nay. Hiện quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H vẫn còn nhưng anh H đi đâu cũng không thông báo cho chị T được biết. Do đó, anh chị đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình và anh chị cũng không có thiện chí để hn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình. Từ các chứng cứ trên cho thấy, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, anh H cũng không có thiện chí hn gắn tình cảm nên mục đích hôn nhân không còn đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con*:

[3.1] Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 10-11-2007 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 24-12-2018. Hiện 02 người con chung đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3.2] Xét yêu cầu của chị T thì thấy: Từ khi chị T và anh H sống ly thân, con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Theo nguyện vọng của cháu C, cháu muốn được sinh sống cùng với chị T, còn cháu D thì vẫn còn nhỏ nên cần tình thương và sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, anh H cũng không có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Chị T khai anh chị có tài sản chung là nh và đất tọa lạc tại ấp An Bình, xã An Phú, huyện Củ Chi, Thnh phố Hồ Chí Minh, hiện do chị T đang quản lý, sử dụng. Chị T và anh H đều không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Chị T khai vào ngày 30-6-2022, anh chị có vay tại Ngân hng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh C số tiền 150.000.000 đồng nhưng hiện nay chị T đã trả xong. Chị T không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoài T đối với anh Nguyễn Văn H.

Chị Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con: Giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 *(hai)* người con chung tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 10-11-2007 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 24-12-2018. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí mà đã nộp theo biên lai thu số 0025521 ngày 23-5-2023 của Chi cục thi hnh án dân sự huyện G. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hnh theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hnh án dân sự, thì người được thi hnh án dân sự, người phải thi hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi hnh án, quyền yêu cầu thi hnh án, tự nguyện thi hnh án hoặc bị cưỡng chế thi hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hnh án dân sự; thời hiệu thi hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hnh án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Cương